

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn

Bà Phạm Thị Vĩnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 775/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 797/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đào Thị Thanh H, nơi cư trú: Số L, tổ dân phố Đ, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình C, nơi cư trú: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đào Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình C kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, anh C thường ghen tuông vô cớ, xúc phạm chị và gia đình chị. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị bỏ về nhà bố mẹ để ở tổ dân phố Đ, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng sinh sống. Trong quá trình sống ly thân, chị và anh

C không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Chị và anh C có 03 con chung là Nguyễn Đoàn T, sinh ngày 26-01-2016, Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04-01-2018 và Nguyễn Phi H, sinh ngày 02-10-2020. Trong đơn khởi kiện, chị nhận nuôi cháu T, để anh C nuôi cháu N và cháu H. Sau đó, chị thay đổi yêu cầu; theo đó, chị nhận nuôi cháu T và cháu H, để anh C nuôi cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án tham gia tố tụng, không giao nộp cho Tòa án bản khai đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Trong quá trình chung sống, chị H và anh C thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; cuộc sống không hòa hợp, hạnh phúc. Từ tháng 4-2023, chị H và anh C sống ly thân, không còn trách nhiệm vợ chồng với nhau; trong thời gian này, cháu T ở cùng chị H, cháu N và cháu H ở cùng anh C. Cháu T có nguyện vọng được ở cùng chị H. Hiện nay, chị H và anh C có chỗ ở và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H; giao cháu T và cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Đình C, cư trú tại: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Đào Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh C tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 25-3-2014. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Những năm gần đây, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh C không còn hòa thuận, hạnh phúc, thường cãi vã nhau; từ tháng 4-2023 đến nay đã sống ly thân, không có trách nhiệm vợ chồng với nhau. Xét thấy, chị H và anh C đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài nên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh C có 03 con chung là Nguyễn Đoàn T, sinh ngày 26-01-2016, Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04-01-2018 và Nguyễn Phi H, sinh ngày 02-10-2020. Cháu N đang chung sống ổn định cùng anh C. Cháu T đang chung sống ổn định cùng chị H và có nguyện vọng được ở cùng chị H. Hiện nay, cháu H dưới 36 tháng tuổi. Cả chị H và anh C đều có đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu T và cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh C vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đào Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Đình C.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Nguyễn Đoàn T, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2016 và cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2020 cho chị Đào Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2018 cho anh Nguyễn Đình C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 (*mười tám*) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Đào Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đào Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005726 ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, chị Đào Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị Thanh H và anh Nguyễn Đình C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã A, huyện A;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thôn

Phạm Thị Vĩnh

Vũ Trọng Đạt